

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2025.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phong

Ông Lê Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2025/QĐST-DS giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: 1 ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1989. Địa chỉ: 1 ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng N do tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 07/5/2012, Nguyễn Hoàng A, sinh ngày: 20/3/2016 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày: 06/9/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình hai bên không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

Về con chung: Chị đồng ý để cháu Nguyễn Hoàng N1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hoàng N2 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 10/4/2025 chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Hoàng N trình bày:

Tôi thống nhất với bà Trần Thị T về thời gian cưới nhau, kết hôn, con chung, Tài sản, nợ chung là không có. Tôi và bà T đã sống riêng từ năm 2022 cho đến nay, vợ tôi thì sống ở tại xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, còn tôi sinh sống ở ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Mỗi tháng thì tôi về Sóc Trăng sống với vợ và con chung được 02 ngày. Tôi và bà T không có thời gian sống ly thân.

Do vợ chồng chúng tôi thường xuyên không ở bên nhau, tôi thấy bà T tính tình có thay đổi với tôi nên tôi và bà T có nói nhau qua lại, tôi vẫn rất còn thương vợ và các con nên muốn được hàn gắn vợ chồng nên theo yêu cầu khởi kiện của bà T tôi xin có ý kiến:

Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị T.

Về con chung: Tôi đang trực tiếp nuôi Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 07/5/2012, bà T đang trực tiếp nuôi Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 20/3/2016 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày 06/9/2019. Tôi thống nhất thời gian chưa trở lại sống chung và Tòa án chưa giải quyết cho tôi và bà T ly hôn thì tôi và bà T vẫn tiếp tục nuôi con và tôi cũng không thay đổi việc nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N. Chị T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 07/5/2012 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Giao con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 20/3/2016 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày 06/9/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo nguyện vọng của con chung. Anh N không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, các đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Hoàng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà A ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hoàng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 21/12/2012. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh N được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh N không đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án tiến hành hòa giải để chị T và anh N hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị để được đoàn tụ. Tuy nhiên, chị T vẫn cương quyết ly hôn và anh N cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ hoặc có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Hiện tại giữa chị T và anh N đã ly thân một khoảng thời gian dài từ năm 2022 cho đến nay. Do đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chung, biên bản xác minh tình trạng hôn nhân thì hiện tại 02 cháu Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hoàng N2 đang sống chung với chị T tại xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cháu Nguyễn Hoàng N1 đang sống chung với anh N tại ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Cả anh N và chị T đều thống nhất trong thời gian giữa hai anh chị chưa ly hôn thì việc nuôi con chung không thay đổi, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tiếp tục giao 02 con chung Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hoàng N2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Nhất L phù hợp.

Do các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T, anh N có quyền đến thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được

quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị T, anh N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung: Chị T và anh N trình bày không có nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: Chị T và anh N trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Hoàng N.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn do chị T, anh N không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung là Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 07/5/2012, Nguyễn Hoàng A, sinh ngày: 20/3/2016 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày: 06/9/2019. Sau khi ly hôn, 02 con chung Nguyễn Hoàng A và Nguyễn Hoàng N2 sẽ do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng do chị T không có yêu cầu. Cháu Nguyễn Hoàng N1 sẽ do anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng do anh N không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị T, anh N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung: Chị T và anh N trình bày không có nên không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Chị T và anh N trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Trần Thị T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0003556 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí